TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Tuấn; ông Phan Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu phố 1, PIV, tpTây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1969. Địa chỉ: USA; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà A trình bày:

Bà và ông B có đăng ký kết hôn vào ngày 24-11-2016, tại Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh. Sau khi kết hôn, bà và ông B chỉ qua lại hai nước để thăm hỏi nhau, không sống chung nhà. Do khoảng cách, bất đồng về quan điểm dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn nhau và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông B không có tài sản chung.

Tại Bản trình bày ý kiến của bị đơn – ông B (được hợp pháp hóa Lãnh sự ngày 24-8-2022 của Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ) thể hiện:

Về hôn nhân: ông B đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông B cam kết không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A; ghi nhận bà A và ông B, thuận tình ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà A và ông B có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt theo luật định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà A yêu cầu ly hôn với ông B, thấy rằng:

Hôn nhân giữa Bà A và ông B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Từ khi kết hôn, bà A và ông B không sống chung nhà, do khoảng cách, bất đồng về quan điểm dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn nhau và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông B. Đồng thời, ông B có văn bản trình bày ý kiến, đồng ý ly hôn với bà A. Do đó, cần ghi nhận bà A và ông B thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà A và ông B xác định ông bà không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B đều xác định không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị ghi nhận bà A và ông B, thuận tình ly hôn; về con chung chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên không không xem xét là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Bà A phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 95 đô-la tiền chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận bà A và ông B, thuận tình ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà A và ông B đều xác định không có, nên không xem xét.

3. Về chi phí tố tụng khác:

3.1. Bà A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0015490 ngày 24 tháng 8 năm 2022, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3.2. Bà A phải chịu 95 đô-la tiền chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ở nước ngoài, được trừ vào 95 đô-la mà bà A đã nộp theo Chứng từ giao dịch mẫu số: 01GTGT2/5700, ký hiệu GL/22T, số hóa đơn 08240139000015 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000189 ngày 26 tháng 4 năm 2022, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:

- Bà A được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Ông B được kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ, theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn